TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thắm và ông Nguyễn Đức Long.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - N sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2026/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú: Thôn V, xã B, tỉnh Ninh Bình; nơi ở: Tổ dân phố H, phường D, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Quang H1, sinh năm 1986; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Thôn V, xã B, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H; bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn - anh Lê Quang H1; nội dung vụ án được xác định như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Quang H1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Ninh Bình.

** Ý kiến của chị Nguyễn Thị H:* Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị đi làm công nhân, tan ca về muộn, anh H1 nghi ngờ chị đi ngoại tình với

người khác nên anh H1 kiểm soát điện thoại, thời gian đi về của chị, nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, kéo dài đến tháng 11/2025, chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không có hạnh phúc nên chị đã tự ra ngoài thuê nhà trọ ở và ly thân với anh H1 cho đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh H1.

** Ý kiến của anh Lê Quang H1:* Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn do chị H đi ngoại tình với người đàn ông khác và có thai với người đó, vợ chồng xảy ra va chạm cãi nhau, chị H đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở và ly thân với anh cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn với chị H, đề nghị được đoàn tụ cùng chị H.

1.2. Về con chung: Chị H và anh H1 đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 04/01/2023, hiện do anh H1 đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, chị H và anh H1 đều xác định hiện nay chị H đang mang thai được 16 tuần tuổi (theo Phiếu siêu âm ngày 04/3/2026 của Bệnh viện Đ1, phường D, tỉnh Ninh Bình).

Ly hôn: Chị H và anh H1 tự nguyện thoả thuận giao cháu Lê Hải Đ cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ cho anh H1.

Đối với việc chị H đang mang thai được 16 tuần, ly hôn, chị H và anh H1 tự nguyện thoả thuận sau khi chị H sinh con thì giao con mới sinh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H.

Chị H và anh H1 đều xác nhận vợ chồng không nhận con nuôi; không ai có con riêng.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị H và anh H1 đều tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

2. Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình có quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố

tụng dân sự. Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Quang H1.

+ Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Lê Quang H1: Giao cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 04/01/2023 cho anh Lê Quang H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Xác định tại thời điểm ly hôn, chị Nguyễn Thị H đang mang thai; sau khi chị H sinh con thì giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự đều tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"; bị đơn cư trú tại thôn V, xã B, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn - anh Lê Quang H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Quang H1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam, nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 bắt nguồn từ việc anh H1 đi làm ăn ở xa, ít quan có điều kiện chăm sóc vợ con; chị H đi làm công ty, giờ giấc không cố định nên vợ chồng nghi ngờ, không có sự tin tưởng nhau dẫn mâu thuẫn xảy ra; căng thẳng nhất là vào tháng 11/2025 thì chị H đã tự bỏ ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống; anh chị sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai nữa.

Xét thấy, trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, chị H luôn thể hiện mong muốn được ly hôn; anh H1 cũng không có cách thức nào để đoàn tụ được với chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy khả năng chị H, anh H1 về đoàn tụ là không còn nên xử cho chị H ly hôn anh H1 là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 04/01/2023, hiện nay do anh H1 đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, hiện chị H đang mang thai được 16 tuần tuổi (theo Phiếu siêu âm ngày 04/3/2026 của Bệnh viện Đ1, phường D, tỉnh Ninh Bình), đây là con chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân.

Xét thoả thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn của chị H và anh H1 là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình và khả năng kinh tế của mỗi bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thoả thuận này của chị H và anh H1: Giao cháu Lê Hải Đ cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu bé mà chị H đang mang thai sau khi sinh. Chị H, anh H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị H và anh H1 đều tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Lê Quang H1.

2. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Lê Quang H1:

- Giao cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 04/01/2023 cho anh Lê Quang H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

- Xác định tại thời điểm ly hôn, chị Nguyễn Thị H đang mang thai. Sau khi chị H sinh con thì giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H, anh H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Chị H, anh H1 và các thành viên trong gia đình chị H, anh H1 không được cản trở chị H, anh H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Ninh Bình theo biên lai thu số 0000319 ngày 19 tháng 01 năm 2026 thành án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải chịu. (*Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 6 - Ninh Bình;
- UBND xã Bình Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Trần Anh Dũng